

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 21/3/2023

V/v tranh chấp: "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thơ

Bà Lưu Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2022/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp "Ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 530/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 516/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng N, chi nhánh huyện C - Phòng giao dịch L (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã O, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện cưới nhau vào năm 1977, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày

09/11/2018. Thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông T có tình cảm với người khác, ông không chăm lo gia đình, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông bà đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được và sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Công T, sinh năm 1978; Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1982 và Nguyễn Thị Phương N, sinh năm 1984 đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T đã trả nợ xong cho Ngân hàng N- chi nhánh huyện C- Phòng giao dịch L nên nợ chung là không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Thống nhất với trình bày của bà T về quá trình kết hôn. Cách nay khoảng 30 năm thì ông có tình cảm với người khác nhưng sau đó ông đã suy nghĩ lại và đã thay đổi, ông và bà T vẫn sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Nay ông vẫn còn thương vợ nên ông không đồng ý ly hôn bà T.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Công T, sinh năm 1978; Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1982 và Nguyễn Thị Phương N, sinh năm 1984 đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không có yêu cầu.

Về tài sản chung: 01 phần đất do bà Trần Thị T đứng tên cùng căn nhà trên đất (nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà), tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Về nợ chung: Ông đồng ý việc bà Trần Thị T trả nợ cho Ngân hàng N- Chi nhánh huyện C - Phòng giao dịch L nên không có nợ chung.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N trình bày:

Ngày 18/5/2022, bà Trần Thị T và Ngân hàng N- Chi nhánh huyện C có ký kết Hợp đồng tín dụng số 6904-LAV-202202484, hạn mức tín dụng là 3.000.000.000 đồng. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp số 6904-LCL-202202770 ngày 17/5/2022. Theo đó, bà T đã nhận nợ là 2.300.000.000 đồng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 18/11/2022.

Ngày 05/8/2022, bà T đã tắt toán các khoản vay nên hiện nay bà T không có khoản vay nào khác tại Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng xin không tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 530/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2/ Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động được.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/11/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông T không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thống nhất giải quyết được vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bị đơn ông Nguyễn Văn T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn giữa bà T và ông T đã trầm trọng và sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn khả năng hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về nội dung kháng cáo: Ông T không đồng ý ly hôn nhưng không có chứng cứ chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” đúng theo quy định tại các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trần Thị T, bị đơn ông Nguyễn Văn T là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 09/11/2018 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà T đưa ra yêu cầu ly hôn vì cho rằng ông T có tình cảm với người khác, không quan tâm đến gia đình, ông bà ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T không đồng ý ly hôn vì cho rằng cách nay khoảng 30 năm thì ông có tình cảm với người khác nhưng sau đó ông đã suy nghĩ lại và đã thay đổi, ông và bà T vẫn sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Nay ông vẫn còn thương vợ nên ông không đồng ý ly hôn bà T. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở, hơn nữa, tình cảm của bà T đối với ông T không còn và bà T cũng cương quyết ly hôn, nếu trở lại chung sống sẽ không có hạnh phúc, chỉ làm khổ cho nhau. Mặt khác, ông T không muốn ly hôn vì còn thương vợ nhưng từ khi ly thân cho đến tại phiên tòa hôm nay ông T không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên án sơ thẩm.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên các đương sự không có yêu cầu giải quyết.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 530/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động được.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai 0024904 ngày 24/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, xem như đã nộp xong. Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, ông đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0025359 ngày 21/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như ông đã thi hành xong.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan